TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Chép
2. Bà Ngô Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như K. Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 495/2025/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2026/QĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng Đ; sinh năm: 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Ông Lý Minh S, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/11/2025 và quá trình tố tụng bà Trần Thị Hồng Đ trình bày:

Bà Trần Thị Hồng Đ và ông Lý Minh S tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/9/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau thời gian đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà Trần Thị Hồng Đ yêu cầu được ly hôn với ông Lý Minh S.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lý Thị Kim H; giới tính: Nữ; sinh ngày: 09/10/2004 và cháu Lý Như K; giới tính: Nữ; sinh ngày: 17/12/2008, Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng ông Lý Minh S đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến hay phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông Lý Minh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Lý Minh S có nơi trú tại Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Lý Minh S được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lý Minh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, do bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải động viên để các đương sự xóa bỏ những mâu thuẫn trước đây để đoàn tụ vợ chồng. Bà Đ thừa nhận không còn tình cảm với ông Sang, ông cương quyết xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Nên việc bà Nguyễn Thị Hồng Đ xin ly hôn với ông Lý Minh S là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ đối với ông Lý Minh S phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lý Minh S có cháu Lý Thị Kim H; giới tính: Nữ; sinh ngày: 09/10/2004 và cháu Lý Như K; giới tính: Nữ; sinh ngày: 17/12/2008. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Lý Minh S.

2. Về con chung: Các con chung là cháu Lý Thị Kim H; giới tính: Nữ; sinh ngày: 09/10/2004 và cháu Lý Như K; giới tính: Nữ; sinh ngày: 17/12/2008, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Như K đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010737 ngày 26/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ thành án phí. Bà Đ không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Chép – Ngô Thị Tám **Trần Thị Nhung**